

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nghiêm Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Loan và ông K'Mák.

- Thư ký phiên tòa: ông Đỗ Anh Hào – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 111/2025/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1991

Trú tại: thôn 3 B, xã Đ (tổ dân phố 3B, thị trấn Đ, huyện Đạ Huoai cũ), tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: bà Vũ Thị Thu T, sinh năm: 1992

Trú tại: thôn 7, xã Đ (tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đạ Huoai cũ), tỉnh Lâm Đồng.

(ông N có mặt, bà T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn ông Nguyễn Duy N (ông N) và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: ông N và bà T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ– nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 07/5/2024. Thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn; bất đồng quan điểm do không tìm được tiếng nói chung; tình cảm vợ chồng không còn. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay; trong khoảng thời gian sống ly thân cả hai

không ai còn quan tâm đến ai. Vì vậy, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Vũ Thị Thu T.

Về con chung: ông N, bà T có 01 con chung là Nguyễn Ái L, sinh ngày 12/01/2022; hiện nay con chung đang sống cùng ông N, khi ly hôn ông N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai của bị đơn bà Vũ Thị Thu T (bà T) và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì: bà T thừa nhận quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng do không cùng quan điểm sống giữa bà T và ông N. Bà T và ông N hiện đã sống ly thân từ tháng 11/2024. Ông N yêu cầu ly hôn bà T không đồng ý vì bà T mong muốn vợ chồng cùng nhau chăm sóc con.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T, ông N có 01 con chung là Nguyễn Ái L, sinh ngày 12/01/2022; nếu Tòa án giải quyết cho ông N ly hôn với bà T thì bà T đồng ý giao cháu L cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N, cho ông N được ly hôn với bà T. Về con chung: ông N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ái L, sinh ngày 12/01/2022 sau khi ly hôn, nhận thấy hiện nay cháu L đang sống cùng ông N, ông N có công việc, thu nhập ổn định đảm bảo được việc nuôi dưỡng cháu L; đồng thời bà T cũng đã có ý kiến đồng ý giao cháu L cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Nên đề nghị hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Ái L, sinh ngày 12/01/2022 cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ tuổi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do ông N không yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến. Về tài sản chung cả hai xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến, nợ chung cả hai xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: ông N, bà T hiện có địa chỉ cư trú tại xã Đa Tềh, tỉnh Lâm Đồng; ông N yêu cầu được ly hôn với bà T và yêu cầu được nuôi con Nguyễn Ái L, sinh ngày 12/01/2022. Tại Phiên tòa bà T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] *Về nội dung vụ án*: ông N và bà T tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đa Tềh, huyện Đa Tềh – nay là xã Đa Tềh, tỉnh Lâm Đồng ngày 07/5/2024. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do cả hai không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan quan điểm sống. Cả hai đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2024 đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân và quá trình thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn của ông N thì cả hai không có động thái nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua thông tin xác minh ngày 18/6/2025 tại UBND xã Đa Tềh (UBND thị trấn Đa Tềh, huyện Đa Huoai cũ), tỉnh Lâm Đồng được biết ông N, bà T sống tại khu đất tách biệt, nên việc mâu thuẫn của ông N, bà T không ai biết; hiện tại bà T đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Qua thông tin bà Cao Thị Nhân (mẹ đẻ bà T) cung cấp thì bà T đã chuyển về nhà bố mẹ sinh sống từ tết năm 2025 đến nay. Ông N cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà T; bà T không đồng ý ly hôn với ông N vì lý do mong muốn cùng ông N chăm sóc con; nhưng trên thực tế cả hai đã không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chia sẻ cho nhau; qua các buổi làm việc tại Tòa án cũng như thông tin xác minh tại địa phương chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N và bà T trầm trọng, không ai muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng; tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N và bà T là thật sự trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N yêu cầu giải quyết ly hôn với bà T là có căn cứ chấp nhận.

- *Về con chung*: ông N và bà T có 01 con chung là Nguyễn Ái L, sinh ngày 12/01/2022. Xét yêu cầu được nuôi cháu L của ông N thì thấy rằng: Theo thông tin xác minh ngày 18/6/2025 tại UBND xã Đa Tềh (thị trấn Đa Tềh, huyện Đa Huoai cũ), tỉnh Lâm Đồng thì cháu L hiện đang sống cùng ông N; cháu L đang theo học tại trường mầm non Sơn ca – thị trấn Đa Tềh (nay là xã Đa Tềh), tỉnh Lâm Đồng; cháu L phát triển tốt, tâm lý bình thường, khỏe mạnh, được đi học đầy đủ; ông N có công việc ổn định đảm bảo được đời sống của hai cha con sau khi ly hôn. Mặt khác, bà T cũng đồng ý giao cháu L cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Để đảm bảo tâm lý, môi trường sống, học tập ổn định của con chung không bị xáo trộn

sau khi cha mẹ ly hôn Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Nguyễn Ái L, sinh ngày 12/01/2022 cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Về cấp dưỡng: do ông N không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

- *Về tài sản chung*: ông N và bà T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung*: ông N và bà T xác định không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: ông Nguyễn Duy N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy N.

Ông Nguyễn Duy N được ly hôn bà Vũ Thị Thu T.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Duy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ái L, sinh ngày 12/01/2022 cho đến khi thành niên. Bà Vũ Thị Thu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về án phí*: ông Nguyễn Duy N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 0006697 ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng cũ – nay là Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông N đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án, ông N và bà T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 5 –Lâm Đồng ;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Đa Tễh, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nghiêm Văn Hải